

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 03/2021/NQ-CTĐS-HĐQT
ngày 24 tháng 5 năm 2021)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2021/NQ-CTĐS-HĐQT ngày 24 tháng 05 năm 2021,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán Công ty cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt.

Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ủy ban Kiểm toán nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán được áp dụng cho Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ủy ban Kiểm toán.

Điều 2. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải báo cáo trực tiếp bằng văn bản với Hội đồng quản trị và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo Tổng công ty tuân thủ mọi quy định luật pháp.

2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.

3. Thành viên Ủy ban Kiểm toán không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi việc tiết lộ thông tin theo yêu cầu pháp luật.

4. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải trung thực, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các kết luận của mình.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Tổng công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Tổng công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty;
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Tổng công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
7. Giám sát nhằm bảo đảm Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng công ty;
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán;
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán;
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Tổng công ty;
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có ít nhất 02 thành viên. Số thành viên cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

Điều 5. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán đủ điều kiện tiến hành khi có 100% thành viên Ủy ban Kiểm toán tham gia dự họp. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 6. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;
- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý Tổng công ty trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Tổng công ty;
- f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 7. Ban kiểm toán nội bộ

1. Tổng giám đốc thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ để giúp việc cho Ủy ban kiểm toán, tham mưu và hỗ trợ Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Cơ cấu Bộ phận kiểm toán nội bộ gồm :
 - Trưởng bộ phận là cá nhân độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành, quản lý trong Tổng công ty. Trưởng bộ phận do Tổng giám đốc bổ nhiệm theo đề nghị của Ủy ban kiểm toán.
 - Các thành viên khác do Tổng giám đốc bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Ủy ban kiểm toán
3. Bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế kiểm toán nội bộ được Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành.
4. Bộ phận Kiểm toán nội bộ chịu sự quản lý hành chính của Tổng giám đốc và chịu sự quản lý nghiệp vụ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban Kiểm toán trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.
5. Chi phí hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ được Tổng công ty chi trả và tính vào chi phí hợp lệ của Tổng công ty.

Điều 8. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Ủy ban Kiểm toán có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Kiểm toán các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Ủy ban Kiểm toán và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Ủy ban Kiểm toán không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Ủy ban Kiểm toán đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

6. Các thành viên Ủy ban Kiểm toán và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Ủy ban Kiểm toán

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, thành viên Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Ủy ban Kiểm toán trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán hoặc Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty đó.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán Công ty cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Tạ Hữu Diễn